TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TÂN AN** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2024/LĐ-ST
Ngày: 17-6-2024
V/v "Tranh chấp về tiền lương; bảo hiểm"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂN AN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Thảo
Các Hội thẩm nhân dân:
Bà Trần Thị Chiếm
Ông Phạm Văn Hải

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Lê Văn Hà, Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố Tân An tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân An tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Phạm Hữu Hiền - Kiểm sát viên.

Vào các ngày 07, 12 và 17 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tân An, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự "Tranh chấp về tiền lương, bảo hiểm", thụ lý số 21/2023/TLST-LĐ ngày 15 tháng 11 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2024/QĐST-LĐ ngày 02 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị Lê Hòa
Sinh năm: 1983
Địa chỉ: E Đường V thành phố T tỉnh Long An.
Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Tuấn D
Địa chỉ:H Đường C thành phố T tỉnh Long An (theo văn bản ủy quyền ngày 14 tháng 9 năm 2023 của bà Nguyễn Thị Lê H).
- *Bị đơn:* Công ty Cổ phần B (Bệnh viện T1)
Địa chỉ: A Tỉnh lộ 827 khu phố B phường G thành phố T tỉnh Long An.
Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà Vũ Thị Huyền T, sinh năm: 2000
Địa chỉ: 2 Đường Đ phường T quận T Thành phố Hồ Chí Minh (theo văn bản ủy quyền ngày 17 tháng 5 năm 2024 của Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc Công ty Cổ phần B).
Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bảo hiểm xã hội tỉnh L
Địa chỉ: H Quốc lộ A (tuyến tránh) Phường D thành phố T tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, nguyên đơn, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Ngày 01 tháng 9 năm 2020, bà Nguyễn Thị Lê H đã làm việc tại Công ty Cổ phần B (Bệnh viện TWG) với vị trí là N hộ sinh. Hai bên đã xác lập hợp đồng lao động không xác định thời hạn. Tuy nhiên, đến tháng 9 năm 2022, Công ty Cổ phần B không trả lương đầy đủ cho bà H. Do đó, ngày 15 tháng 4 năm 2023, bà H và Bệnh viện T1 đã chấm dứt hợp đồng lao động. Tuy nhiên, Bệnh viện T1 vẫn không trả đủ tiền lương còn nợ bà H. Do đó, bà H khởi kiện, yêu cầu Công ty Cổ phần B trả cho bà H tiền lương còn nợ từ tháng 9 năm 2022 đến tháng 4 năm 2023 với số tiền là: 33.348.220 đồng. Đồng thời người sử dụng lao động phải thực hiện việc chốt sổ bảo hiểm cho bà H theo quy định và đóng bảo hiểm cho bà H như đã thỏa thuận và theo quy định để đảm bảo quyền lợi cho bà Nguyễn Thị Lê H.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của bị đơn xác định số tiền lương mà Công ty Cổ phần B (Bệnh viện T1) còn nợ bà Nguyễn Thị Lê H là 24.862.290 đồng. Bởi vì, từ tháng 01 đến tháng 4 năm 2023, do tình hình bệnh viện có rất ít, thậm chí có lúc không có bệnh nhân nên không trả lương theo hiệu quả công việc như đã thông báo cho bà H. Trong quá trình thông báo về tiền lương cũng như xác định số tiền còn nợ gửi qua thư điện tử cho bà H, bệnh viện cũng đã ghi chú về mức lương từ tháng 01 đến tháng 5 năm 2023 chỉ là mức tạm tính. Đồng thời, khi chuyển lương vào tài khoản của bà H, bệnh viện cũng đã ghi chú, thể hiện mức lương theo hiệu quả công việc chỉ là tạm tính. Bênh cạnh đó, lương tháng 3 và lương tháng 4 năm 2023 của bà H đã được chuyển dư nên khấu trừ số tiền đã chuyển, cụ thể tháng 3 là 3.256.969 đồng và tháng 4 là 1.654.775 đồng. Vì vậy, bệnh viện chỉ đồng ý trả cho bà H số tiền lương còn nợ bà H là 24.862.290 đồng. Đối với yêu cầu đóng bảo hiểm của bà H, bệnh viện thống nhất số tiền bảo hiểm còn nợ theo văn bản xác nhận của Bảo hiểm xã hội tỉnh L.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc chấp hành pháp luật của những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng trong quá trình tố tụng.

Về nội dung, đề nghị chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đề nghị giải quyết các vấn đề khác theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Giữa bà Nguyễn Thị Lê H và Công ty Cổ phần B đã xác lập hợp đồng lao động, loại hợp đồng không xác định thời hạn và hợp đồng đã được chấm dứt vào ngày 15 tháng 4 năm 2023. Tuy nhiên, do người sử dụng lao động còn nợ lương và bảo hiểm của người lao động nên bà H khởi kiện yêu cầu Công ty Cổ phần B thực hiện việc trả nợ lương, đóng bảo hiểm cho bà. Theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 32, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Tân An thụ lý và giải quyết vụ án.

[2] Trong đơn khởi kiện, nguyên đơn có yêu cầu bị đơn phải trả lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền lương. Tuy nhiên, ngày 26 tháng 3 năm 2024, nguyên đơn đã rút yêu cầu này. Do đó, Tòa án đình chỉ việc xét xử đối với yêu cầu trả lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền lương.

[3] Nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất là Công ty Cổ phần B (Bệnh viện T1) còn nợ tiền lương của bà Nguyễn Thị Lê H từ tháng 9 năm 2022 đến tháng 4 năm 2023, nhưng nguyên đơn xác định số tiền mà bị đơn còn nợ là 33.348.220 đồng, thể hiện tại các thông báo được gửi đến địa chỉ thư điện tử hoa02041983@gmail.comTrong khi đó, bị đơn cho rằng trong các thông báo nêu trên, mức lương theo hiệu quả công việc chỉ là mức tạm tính và tiền lương chính thức sẽ được thông báo đến từng người khi phía bị đơn đã cân đối thu chi. Do vậy, căn cứ vào nội dung các thông báo đã nêu và thông tin được thể hiện trong các bản Sao kê tài khoản tiền gửi khách hàng của ngân hàng Đ mà nguyên đơn cung cấp, có căn cứ để xác định lời trình bày của người đại diện hợp pháp của bị đơn là có cơ sở nên không thể chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[4] Nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất xác định số tiền chậm đóng bảo hiểm đúng như nội dung văn bản số 3026/BHXH-PQLT-ST ngày 11 tháng 12 năm 2023 của Bảo hiểm xã hội tỉnh Long An. Do đó, xác định Công ty Cổ phần B chậm đóng bảo hiểm cho bà Nguyễn Thị Lê H trong thời hạn 02 năm 07 tháng, với số tiền là 23.732.107 đồng. Tuy nhiên, do Bảo hiểm xã hội tỉnh L không cung cấp thông tin về tiền lãi chậm đóng đến thời điểm xét xử nên Tòa án không thể xác định tiền lãi chậm đóng bảo hiểm bằng số tiền cụ thể.

[5] Do đó, có căn cứ để chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc Công ty Cổ phần B thực hiện trách nhiệm của người sử dụng lao động theo quy định tại khoản 2 Điều 21, khoản 3 Điều 122 Luật bảo hiểm xã hội, Điều 43 Luật việc làm và trả tiền lương còn nợ cho bà Nguyễn Thị Lê H là 24.862.290 đồng, đóng tiền bảo hiểm cho bà H theo quy định.

[6] Công ty Cổ phần B phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, cụ thể: 3% x (24.862.290 đồng + 23.732.107 đồng) = 1.457.832 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 95, Điều 168 Bộ luật lao động, khoản 2 Điều 21, khoản 3 Điều 122 Luật bảo hiểm xã hội Điều 43 Luật việc làm; Điều 272 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đình chỉ việc xét xử đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn trả tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền lương.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị Lê H.

Buộc Công ty Cổ phần B (Bệnh viện T1) trả cho bà Nguyễn Thị Lê H tiền lương còn nợ là 24.862.290 (hai mươi bốn triệu tám trăm sáu mươi hai nghìn hai trăm chín mươi) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi theo quy định tại Khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự, tương ứng với số tiền và thời gian còn phải thi hành.

Buộc Công ty Cổ phần B (Bệnh viện T1) thực hiện trách nhiệm đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp cho bà Nguyễn Thị Lê H với số tiền là 23.732.107 (hai mươi ba triệu bảy trăm ba mươi hai nghìn một trăm lẻ bảy) đồng và tiền lãi do chậm đóng bảo hiểm theo quy định.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất do B1 quy định, tương ứng với số tiền và thời gian còn phải thi hành.

Về án phí: Công ty Cổ phần B (Bệnh viện T1) chịu án phí sơ thẩm là 1.457.832 đồng.

Về quyền kháng cáo: Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án. Người dại diện hợp pháp của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
-Tòa án tỉnh
-Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp
-Chi cục thi hành án dân sự
-Các đương sự
-Lưu: VT, hồ sơ vụ án

Phạm Thị Thanh Thảo